

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **36** /2020/KDTM-ST

Ngày 16/7/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Trang**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Đào Văn Nghiệp** và ông **Lê Minh Mãi**
- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thanh Phương** – Thư ký Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thu Hằng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 7 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23 /2018/TLST-KDTM ngày 08/6/2018 về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2020/QĐXX-KDTM ngày 03 tháng 6 năm 2020; Quyết định hoãn phiên Tòa số: 66/QĐST-KDTM ngày 19/6/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB).**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: ông **Lê Hữu Đức**

Người đại diện theo ủy quyền: bà **Phạm Thị Trung Hà** - Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Quân Đội (theo Văn bản ủy quyền số 437/UQ-MB-HĐQT ngày 02/6/2015). Bà Phạm Thị Trung Hà ủy quyền lại cho: **Ông Lê Thành Nam, ông Trương Việt Dũng, ông: Vũ Nam** (Theo Giấy uỷ quyền số 1690/UQ-HS ngày 21/06/2017.

(ông Vũ Nam có mặt tại phiên Tòa)

*** Bị đơn: 1. Công ty Cổ phần Công nghệ NCS**

Địa chỉ: Số 28 A4 Phạm Hồng Thái, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Xuân Ánh** - Chủ tịch HĐQT

(Ông Ánh vắng mặt)

2. Công ty Cổ phần Truyền thông NCS

Địa chỉ: Số 8 Phạm Hồng Thái, Phường Nguyễn Trung Trực, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đào Xuân Ánh** - Chủ tịch HĐQT

(Ông Ánh vắng mặt)

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị Thu Cúc - sinh năm 1974

2. Ông Đào Xuân Ánh- sinh năm 1969

3/Chị Đào Thanh Yến– sinh năm 2001

4/ Anh Đào Khải Nguyên- sinh năm 2004 (Anh Đào Khải Nguyên do mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Thu Cúc làm người đại diện hợp pháp)

Cùng địa chỉ: Số 28 ngách 38/23 Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

(Bà Cúc, ông Ánh , chị Yến vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/06/2017 của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) là ông Vũ Nam trình bày:

I. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Quân đội; Ngân hàng MB và các bị đơn là Công ty Cổ phần Công nghệ NCS (sau đây gọi tắt Công ty Công nghệ NCS) cùng ký các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng số 113.14.056.35722.TD ngày 09/05/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: 1.600.000.000 đồng (Một tỷ sáu trăm triệu đồng).

***Tài sản bảo đảm:**

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009; Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/12/2009 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 10112404/PLHĐ ngày 28/10/2011; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 07120834/PLHĐ ngày 20/7/2012;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 082014/HĐKT/NCS-VINACAP ký ngày 19/02/2014; trị giá là 7.700.000.000 đồng

2. Hợp đồng tín dụng số 362.14.056.35722.TD ngày 07/10/2014 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 28.15.056.35722 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **3.000.000.000** đồng (*Ba tỷ đồng*).

* Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc, theo HĐTC số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục Hợp đồng thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội

3. Hợp đồng tín dụng số 509.14.056.35722.TD ngày 18/12/2014 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 26.15.056.35722 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **2.360.000.000** đồng (*Hai tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*)

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 102014/HĐKT/NCS-VINACAP ký ngày 09/10/2014; trị giá: 3.690.000.000 đồng(Hợp đồng thế chấp số 14.056.35722.DB ngày 16/12/2014)

4. Hợp đồng tín dụng số 522.14.056.35722.TD ngày 26/12/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **2.000.000.000** đồng (*Hai tỷ đồng*).

*Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình.

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 301014/SBD-NCS/2014 ký ngày 30/10/2014; Trị giá: 3.022.774.977 đồng(Hợp đồng thế chấp số 31314.056.35722.DB ngày 16/12/2014)

5. Hợp đồng tín dụng số 525.14.056.35722.TD ngày 30/12/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **4.000.000.000** đồng (*Bốn tỷ đồng*).

* Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 100559/HĐKT/SBD-NCS/2014 ký ngày 30/10/2014; trị giá: 8.430.000.000 đồng(Hợp đồng thế chấp số 81314.056.35722.DB ngày 30/12/2014)

6. Hợp đồng tín dụng số 34.15.056.35722.TD ngày 03/02/2015 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **1.055.000.000** đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 57/12/2014/HĐXDPM/CTH-NCS ngày 15/12/2014; Trị giá: 3.022.774.977 đồng.

* Mục đích vay vốn trong các Hợp đồng tín dụng nói trên: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn vay và lãi suất quy định trên từng khế ước cụ thể; Phương thức thanh toán: Lãi trả hàng tháng. Gốc trả cuối kỳ; Lãi suất trong hạn: được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

* Thực hiện các hợp đồng tín dụng và phụ lục Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng MB đã giải ngân cho Công ty công nghệ NCS 16 lần với tổng số tiền là **11.293.254.641** đồng (*Mười một tỷ hai trăm chín mươi ba triệu hai trăm năm tư nghìn sáu trăm bốn một đồng*) thể hiện qua với 16 khế ước.

* Đến ngày 18/5/2015, thì bị đơn: Công ty Công nghệ NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm này thì bị đơn trả được: 1.037.013.813 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi: 383.784.519 đồng và được trả đều vào 16 khế ước, do vậy dự nợ tại 16 khế ước này vẫn còn.

- Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2020), Công ty Cổ phần Công nghệ NCS còn nợ Ngân hàng Quân đội tổng số tiền là **16.979.252.676 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng; Nợ lãi trong hạn: 149.473.562 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng

II. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Quân đội; Ngân hàng MB và bị đơn là Công ty Cổ phần Truyền thông NCS (sau đây gọi tắt Công ty Truyền thông NCS) cùng ký các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng tín dụng hạn mức số 387.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **1.400.000.000 đồng** (Một tỷ bốn trăm triệu đồng).

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội

- Ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 thuộc sở hữu của Công ty Công nghệ NCS; trị giá 400.000.000 đồng (HĐTC số: 38014.056.547.435.TD ngày 06/10/2014)

2. Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 388.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **2.500.000.000 đồng** (Hai tỷ năm trăm triệu đồng).

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội

- Ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 thuộc sở hữu của Công ty Công nghệ NCS; trị giá 400.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số: 38014.056.547.435.TD ngày 06/10/2014).

* Mục đích vay vốn trong các Hợp đồng tín dụng nói trên: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn vay và lãi suất quy định trên từng khế ước cụ thể; Phương thức thanh toán: Lãi trả hàng tháng. Gốc trả cuối kỳ; Lãi suất

trong hạn: được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

* Thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng MB đã giải ngân 6 lần tương đương với 6 khế ước cho Công ty Truyền thông NCS vay với tổng số tiền là: **2.724.897.957** đồng .

* Đến ngày 05/5/2015, thì bị đơn: Công ty Truyền thông NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm này thì bị đơn trả được: 768.590.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi: 153.068.924 đồng và được trả đều vào 6 khế ước, trong đó khế ước số LD1500959469 ngày 09/01/2015 theo Hợp đồng tín dụng số 388.14.056.547435.TD đã được tất toán.

- Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16/7/2020), Công ty Cổ phần Truyền thông NCS còn nợ Ngân hàng Quân đội tổng số tiền là **3.435.164.566 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng.

* Khi bị đơn là Công ty Công Nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Quân Đội cũng đã nhiều lần làm việc với các bị đơn nhưng các bị đơn trốn tránh trách nhiệm.

Ngân hàng Quân đội cũng đã có thông báo về việc tự nguyện bàn giao tài sản đảm bảo để xử lý thu nợ nhưng chủ tài sản là ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc không hợp tác và không bàn giao tài sản đảm bảo để xử lý.

Do vậy, Ngân hàng Quân đội đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

1. Buộc Công ty Cổ phần Công nghệ NCS thanh toán trả cho Ngân hàng Quân Đội toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm(ngày 16/7/2020) là: **16.979.252.676 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng; Nợ lãi trong hạn: 149.473.562 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng

2. Buộc Công ty Cổ phần Truyền thông NCS thanh toán trả cho Ngân hàng Quân Đội toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến xét xử sơ thẩm(ngày 16/7/2020) là: **3.435.164.566 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng.

3. Buộc Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi, tiền phí tính trên khoản nợ gốc kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Quân Đội theo lãi suất, mức phạt quy định tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký.

3. Trường hợp Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS không trả hoặc trả không đầy đủ khoản nợ, Ngân hàng Quân Đội đề nghị Tòa án tuyên bố cho Ngân hàng Quân Đội được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài

sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc, theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

4. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS với Ngân hàng Quân Đội thì Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS có nghĩa vụ tiếp tục nhận nợ và thanh toán đầy đủ phần còn thiếu cho phía Ngân hàng Quân đội.

- Đối với các Quyền đòi nợ và chiếc xe ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 được ghi trong các Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng Quân Đội không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

*** *Tại phiên tòa:*** Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Quân Đội vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

- Ngân hàng khẳng định toàn bộ quy trình cho vay cũng như giải ngân cho Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS vay đều đúng quy định của Pháp luật.

- Trong các tài sản đảm bảo được ghi của các Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng Quân Đội và Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS thì Ngân hàng chỉ đề nghị Tòa án giải quyết xử lý tài sản đảm bảo là: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, đã được Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc. Các tài sản đảm bảo khác như các quyền đòi nợ và chiếc xe Ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 thuộc sở hữu của Công ty Công nghệ NCS thì Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Theo đơn khởi kiện ban đầu Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi, tiền phạt tính trên khoản nợ gốc thì nguyên đơn đã có bản tự khai sửa đổi yêu cầu này thành đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty Công nghệ NCS và Công ty Truyền thông NCS phải tiếp tục thanh toán các khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày từ ngày tiếp theo của ngày xét xử theo mức lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán đủ nợ gốc và nợ lãi cho Ngân hàng Quân Đội.

*** Bị đơn:**

1/ Công ty Công nghệ NCS có địa chỉ theo Giấy đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số 28 A4 Phạm Hồng Thái, Phường Trúc Bạch, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân Ánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2/ Công ty Truyền thông NCS có địa chỉ theo Giấy đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số 8 Phạm Hồng Thái, Phường Nguyễn Trung Trục, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Xuân Ánh - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án tại trụ sở Công ty Công nghệ NCS; Công ty Truyền thông NCS và nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, cũng như nơi ở của người đại diện theo pháp luật của cả hai công ty, tuy nhiên tại các buổi làm việc cũng như phiên Tòa các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị Thu Cúc Ông Đào Xuân Ánh; Chị Đào Thanh Yến; Anh Đào Khải Nguyên (do mẹ đẻ bà Nguyễn Thị Thu Cúc làm đại diện hợp pháp).

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: Bà Nguyễn Thị Thu Cúc, ông Đào Xuân Ánh; chị Đào Thanh Yến; anh Đào Khải Nguyên (do mẹ đẻ bà Nguyễn Thị Thu Cúc làm đại diện hợp pháp) đến Tòa làm việc nhưng bà Cúc, ông Ánh và chị Yến đều vắng mặt không có lý do, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cũng đã nhiều lần kết hợp với chính quyền địa phương trực tiếp đến nơi ở của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trên để tiến hành ghi lời khai của các đương sự nhưng đều không thực hiện được.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng:**

* Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đều đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã cố tình trốn tránh không có mặt tại Tòa để giải quyết vụ án, không tuân thủ pháp luật.

- Tại phiên tòa hôm nay bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt không có lý do, đây là lần vắng mặt thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử là đúng luật định.

*** Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:**

- Bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng cũng đã nhiều lần làm việc với bị đơn nhưng không đưa ra phương án giải quyết toàn bộ vụ án nên Ngân hàng đã khởi kiện ra Tòa án.

- Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng và các giấy nhận nợ; các Hợp đồng thế chấp tài sản; các phụ lục hợp đồng thế chấp; Đăng ký tài sản đảm bảo đã được các bên tự nguyện ký kết, về nội dung và hình thức đúng quy định của pháp luật.

- Căn cứ Điều 91, khoản 2 điều 95, khoản 3 điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi khoản nợ gốc và nợ lãi theo các hợp đồng tín dụng của Ngân hàng Quân Đội.

1/ Buộc Công ty Cổ phần Công nghệ NCS thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm(ngày 16/7/2020) là: **16.979.525.676 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng; Nợ lãi trong hạn: 149.473.562 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng

2/ Buộc Công ty Cổ phần Truyền thông NCS thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng đã ký tạm tính đến xét xử sơ thẩm(ngày 16/7/2020) là: **3.435.164.566 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của nguyên đơn khi các bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng có quyền đề nghị phát mại tài sản theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn không phải chịu án phí KDTM- ST; Bị đơn phải chịu án phí KDTM-ST; Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

****Về tố tụng:***

- Công ty Cổ phần công nghệ NCS có địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại: Số 28A4 Phạm Hồng Thái, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Công ty Cổ phần truyền thông NCS có địa chỉ trụ sở chính theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại: Số 8 Phạm Hồng Thái, phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

- Tại điều khoản về giải quyết tranh chấp trong các Hợp đồng tín dụng được ký bởi Ngân hàng TM CP Quân Đội và các bị đơn là: Công ty Cổ phần Công nghệ NCS; Công ty Cổ phần Truyền thông NCS có quy định: "... Trường hợp thương lượng không thành thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án nhân dân nơi có trụ sở chính hoặc trụ sở chi nhánh của Ngân hàng hoặc Tòa án nhân dân nơi có tài sản để giải quyết, tùy theo sự chọn của Ngân hàng được ghi nhận tại đơn khởi kiện". Đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quân Đội đối với các bị đơn là Công ty Cổ phần Công nghệ NCS; Công ty Cổ phần Truyền thông NCS và lựa chọn Tòa án nhân dân quận Ba Đình giải quyết tranh chấp.

- Công ty Cổ phần công nghệ NCS và Công ty Cổ phần truyền thông NCS đều có người đại diện theo pháp luật là ông Đào Xuân Ánh; Tài sản đảm bảo cho khoản vay theo Hợp đồng tín dụng của cả 02 công ty này đều được bảo đảm bằng tài sản là Toàn bộ quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc theo Hợp đồng thế chấp số công chứng: Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và các phụ lục HĐ thế chấp. Do đó Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại: " Tranh chấp hợp đồng tín dụng" của Ngân hàng TM CP Quân Đội đối với các bị đơn là Công ty Cổ phần Công nghệ NCS; Công ty Cổ phần Truyền thông NCS là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Căn cứ biên bản xác minh của Công an phường Trúc Bạch và Công an phường Nguyễn Trung Trực, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội thì Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS hiện nay không còn hoạt động tại các địa chỉ như đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS đều là ông Đào Xuân Ánh. Ông Đào Xuân Ánh có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở trong giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại địa chỉ: Số 28 ngách 38/23 Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa cho bị đơn: Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS tại địa chỉ trụ sở chính cũng như nơi ở của người đại diện theo pháp luật của cả 2 Công ty, tuy nhiên các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

- Tòa án đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là: Bà Nguyễn Thị Cúc, ông Đào Xuân Ánh, chị Đào Thanh Yên và Đào Khải Nguyên nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt tại phiên Tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo luật định.

- Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét giải quyết.

**Về nội dung:*

I. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) đối với Công ty Cổ phần Công nghệ NCS

[1]. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Quân đội; Ngân Hàng MB và bị đơn là Công ty Cổ phần Công nghệ NCS (sau đây gọi tắt Công ty Công nghệ NCS) cùng ký các Hợp đồng tín dụng sau:

+ **Hợp đồng tín dụng số 113.14.056.35722.TD** ngày 09/05/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **1.600.000.000** đồng (*Một tỷ sáu trăm triệu đồng*).

**Tài sản bảo đảm:*

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009; Đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 16/12/2009 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 10112404/PLHĐ ngày 28/10/2011; Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 07120834/PLHĐ ngày 20/7/2012;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 082014/HĐKT/NCS-VINACAP ký ngày 19/02/2014; trị giá là 7.700.000.000 đồng

+ **Hợp đồng tín dụng số 362.14.056.35722.TD** ngày 07/10/2014 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 28.15.056.35722 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **3.000.000.000** đồng (*Ba tỷ đồng*).

* Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc, theo HĐTC số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục Hợp đồng thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội

+ **Hợp đồng tín dụng số 509.14.056.35722.TD** ngày 18/12/2014 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 26.15.056.35722 với hạn mức tín dụng có xác định thời

hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **2.360.000.000** đồng (*Hai tỷ ba trăm sáu mươi triệu đồng*)

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 102014/HĐKT/NCS-VINACAP ký ngày 09/10/2014; trị giá: 3.690.000.000 đồng(Hợp đồng thế chấp số 14.056.35722.DB ngày 16/12/2014)

+ **Hợp đồng tín dụng số 522.14.056.35722.TD** ngày 26/12/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **2.000.000.000** đồng (*Hai tỷ đồng*).

*Tài sản bảo đảm: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình.

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 301014/SBD-NCS/2014 ký ngày 30/10/2014; Trị giá: 3.022.774.977 đồng(Hợp đồng thế chấp số 31314.056.35722.DB ngày 16/12/2014)

+ **Hợp đồng tín dụng số 525.14.056.35722.TD** ngày 30/12/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **4.000.000.000** đồng (*Bốn tỷ đồng*).

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, mang tên ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

- Quyền đòi nợ từ hợp đồng 100559/HĐKT/SBD-NCS/2014 ký ngày 30/10/2014; trị giá: 8.430.000.000 đồng(Hợp đồng thế chấp số 81314.056.35722.DB ngày 30/12/2014).

+ **Hợp đồng tín dụng số 34.15.056.35722.TD** ngày 03/02/2015 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **1.055.000.000** đồng (*Một tỷ không trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909 do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục Hợp đồng thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình;

-Quyền đòi nợ từ hợp đồng 57/12/2014/HĐXDPM/CTH-NCS ngày 15/12/2014; Trị giá: 3.022.774.977 đồng.

* Mục đích vay vốn trong các Hợp đồng tín dụng nói trên: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn vay và lãi suất quy định trên từng khế ước cụ thể; Phương thức thanh toán: Lãi trả hàng tháng. Gốc trả cuối kỳ; Lãi suất trong hạn: được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

*Thực hiện các hợp đồng tín dụng và phụ lục Hợp đồng tín dụng nói trên, Ngân hàng MB đã giải ngân cho Công ty công nghệ NCS 16 lần với tổng số tiền là **11.293.254.641** đồng thể hiện qua với 16 khế ước.

* Đến ngày 18/5/2015, thì bị đơn: Công ty Công nghệ NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm này thì bị đơn trả được: 1.037.013.813 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi: 383.784.519 đồng và được trả đều vào 16 khế ước, do vậy dự nợ tại 16 khế ước này vẫn còn. Ngân hàng Quân Đội cũng đã nhiều lần làm việc với Công ty Công nghệ NCS, đồng thời cũng đã có thông báo về việc tự nguyện bàn giao tài sản đảm bảo để xử lý thu nợ, nhưng chủ tài sản là ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc không hợp tác và không bàn giao tài sản đảm bảo để xử lý. Do vậy Ngân hàng Quân Đội đã khởi kiện ra Tòa án. Tổng số tiền Công ty Công nghệ NCS còn nợ Ngân hàng Quân Đội tạm tính đến ngày xét xử (ngày 16/7/2020) là **16.979.252.676 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng; Nợ lãi trong hạn: 149.473.562 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng.

[2]. Về phía bị đơn: Công ty Cổ phần Công nghệ NCS đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại phiên Tòa, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục hợp đồng cùng các giấy nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, dựa trên ý chí của các bên tham gia hợp đồng, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án xác định các Hợp đồng tín dụng: Phụ lục hợp đồng kèm theo và các khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng Quân Đội với Công ty Cổ phần Công nghệ NCS là có thật và có hiệu lực thi hành đối với các bên

[3]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc của Ngân hàng Quân Đội đối với bị đơn là Công ty Công nghệ NCS:

Thực hiện các Hợp đồng tín dụng số 387.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014; Hợp đồng tín dụng số 362.14.056.35722.TD ngày 07/10/2014 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 28.15.056.35722; Hợp đồng tín dụng số 509.14.056.35722.TD ngày 18/12/2014 Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 26.15.056.35722; Hợp đồng tín dụng số 522.14.056.35722.TD ngày 26/12/2014; Hợp đồng tín dụng số 525.14.056.35722.TD ngày 30/12/2014; Hợp đồng tín dụng số 34.15.056.35722.TD ngày 03/02/2015 giữa Ngân hàng Quân đội và Công ty Công nghệ NCS, Ngân hàng Quân Đội đã giải ngân cho Công ty Công nghệ NCS số tiền là 11.293.254.641 đồng, thể hiện qua 16 giấy nhận nợ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng đến ngày 18/5/2015, Công ty Công nghệ NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo các Hợp đồng tín dụng, tính đến thời điểm này Công ty Công nghệ NCS đã trả được cho Ngân hàng Quân Đội số tiền nợ gốc là 1.037.013.813 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi: 383.784.519 đồng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (16/7/2020), Công ty Công nghệ NCS hiện còn nợ Ngân hàng Quân Đội tổng số tiền là: **16.979.252.676 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng; Nợ lãi trong hạn: 149.473.562 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng

Việc Công ty Công nghệ NCS vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên ký kết là vi phạm quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, buộc Công ty Công nghệ phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Quân Đội số tiền nợ gốc là: **10.256.240.828 đồng**.

[4]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng Quân Đội đối với bị đơn: Công ty Công nghệ NCS:

Tại Điều 3 của các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng Quân Đội và Công ty Công nghệ NCS có quy định:

“ Lãi trong hạn: Lãi suất, kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải Ngân. Trường hợp khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của khoản vay bắt đầu từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên được xác định bằng tổng của lãi suất tham chiếu và lãi suất biên; Lãi suất quá hạn: Bên vay phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn”.

-Ngân hàng Quân Đội đã xuất trình cho Hội đồng xét xử bản kê chi tiết về khoản vay nợ và cách tính lãi theo quy định tại các Hợp đồng hạn mức tín dụng; các phụ lục Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Quân Đội và Công ty Công nghệ NCS, Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó buộc Công ty Công nghệ NCS phải trả cho Ngân hàng Quân Đội

số tiền lãi trong hạn là: **149.473.562 đồng** và số tiền lãi quá hạn là: **6.573.538.286 đồng**.

II. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) đối với Công ty Cổ phần Truyền thông NCS

[1]. Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quân đội (MB) (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Quân đội; Ngân hàng MB và bị đơn là Công ty Cổ phần Truyền thông NCS (sau đây gọi tắt Công ty Truyền thông NCS) cùng ký các Hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 387.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **1.400.000.000 đồng** (*Một tỷ bốn trăm triệu đồng*).

* Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội

- Ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 thuộc sở hữu của Công ty Công nghệ NCS; trị giá 400.000.000 đồng (HĐTCsố: 38014.056.547.435.TD ngày 06/10/2014)

+Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 388.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 với hạn mức tín dụng có xác định thời hạn, tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là: **2.500.000.000 đồng** (*Hai tỷ năm trăm triệu đồng*).

*Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội, theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do UBND thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc; theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009 và phụ lục HĐ thế chấp số: 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 tại Văn phòng công chứng Mỹ Đình; Đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại VP đăng ký đất đai Hà Nội

- Ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 thuộc sở hữu của Công ty Công nghệ NCS; trị giá 400.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số: 38014.056.547.435.TD ngày 06/10/2014.

* Mục đích vay vốn trong các Hợp đồng tín dụng nói trên: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn vay và lãi suất quy định trên từng khế

ước cụ thể; Phương thức thanh toán: Lãi trả hàng tháng. Gốc trả cuối kỳ; Lãi suất trong hạn: được xác định cụ thể trên từng Khế ước nhận nợ tại thời điểm giải ngân. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn.

* Thực hiện các hợp đồng tín dụng trên, Ngân hàng Quân Đội đã giải ngân cho Công ty Truyền thông NCS vay với tổng số tiền là: **2.724.897.957** đồng thể hiện qua 6 khế ước nhận nợ.

* Đến ngày 05/5/2015, thì bị đơn: Công ty Truyền thông NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm này thì bị đơn trả được: 768.590.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi: 153.068.924 đồng và được trả đều vào 6 khế ước, trong đó khế ước số LD1500959469 ngày 09/01/2015 theo Hợp đồng tín dụng số 388.14.056.547435.TD đã được tắt toán. Ngân hàng Quân Đội cũng đã nhiều lần làm việc với Công ty Truyền thông NCS, đồng thời cũng đã có thông báo về việc tự nguyện bàn giao tài sản đảm bảo để xử lý thu nợ, nhưng chủ tài sản là ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc không hợp tác và không bàn giao tài sản đảm bảo để xử lý. Do vậy Ngân hàng Quân Đội đã khởi kiện ra Tòa án. Tổng số tiền Công ty Truyền thông NCS còn nợ Ngân hàng Quân Đội tạm tính đến ngày xét xử (ngày 16/7/2020) là: **3.435.164.566 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng.

[2]. Về phía bị đơn Công ty Truyền thông NCS đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc tại Tòa án cũng như vắng mặt tại phiên Tòa, nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của bị đơn được. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xét thấy: Các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, dựa trên ý chí của các bên tham gia hợp đồng, phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng, Tòa án xác định các Hợp đồng tín dụng kèm theo và các giấy nhận nợ giữa Ngân hàng Quân Đội với Công ty Truyền thông NCS là có thật và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ gốc của Ngân hàng Quân Đội đối với bị đơn: Công ty Truyền thông NCS.

Thực hiện các Hợp đồng tín dụng số 387.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 và Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 388.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 giữa Ngân hàng Quân đội và Công ty Công nghệ NCS, Ngân hàng Quân Đội đã giải ngân cho Công ty Công nghệ NCS số tiền là 2.724.897.957 đồng, thể hiện qua 6 giấy nhận nợ.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng đến ngày 05/5/2015, thì bị đơn: Công ty Truyền thông NCS vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến thời điểm này thì bị đơn trả được: 768.590.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi: 153.068.924 đồng và được trả

đều vào 6 khế ước, trong đó khế ước số LD1500959469 ngày 09/01/2015 theo HĐTD số 388.14.056.547435.TD đã được tắt toán.

- Tính đến thời điểm ngày 16/7/2020, Công ty Truyền thông NCS còn nợ Ngân hàng Quân đội tổng số tiền là **3.435.164.566 đồng**, trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng.

Việc Công ty truyền thông NCS vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng giữa hai bên ký kết là vi phạm quy định tại điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, buộc Công ty Truyền thông NCS phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng MB số tiền nợ gốc là: **1.956.307.957 đồng**

[4]. Về yêu cầu đòi số tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn của Ngân hàng Quân Đội đối với bị đơn là Công ty Truyền thông NCS:

Tại Điều 3 của các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa Ngân hàng Quân Đội và Công ty Công nghệ NCS có quy định:

“ Lãi trong hạn: Lãi suất , kỳ điều chỉnh lãi suất được xác định cụ thể trên từng khế ước nhận nợ tại thời điểm giải Ngân. Trường hợp khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi của khoản vay bắt đầu từ ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên được xác định bằng tổng của lãi suất tham chiếu và lãi suất biên; Lãi suất quá hạn: Bên vay phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất đang được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn và cố định trong suốt thời gian quá hạn”.

Ngân hàng Quân Đội đã xuất trình cho Hội đồng xét xử bản kê chi tiết về khoản vay nợ và cách tính lãi theo quy định tại Hợp đồng hạn mức tín dụng và các giấy nhận nợ đã ký giữa Ngân hàng Quân Đội và Công ty Truyền thông NCS, Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Do đó buộc Công ty Truyền thông NCS phải trả cho Ngân hàng Quân Đội số tiền lãi trong hạn là: **386.406.068 đồng** và số tiền lãi quá hạn là: **1.092.450.541 đồng**.

[III]. Về yêu cầu đòi khoản lãi phát sinh đến khi Công ty cổ phần NCS và Công ty truyền thông NCS trả hết nợ Ngân hàng Quân Đội.

Theo Án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở buộc các bị đơn: Công ty Cổ phần NCS và Công ty Truyền thông NCS phải tiếp tục trả lãi nợ quá hạn của số tiền gốc mà bị đơn chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng (150% so với lãi suất trong hạn được ghi cụ thể trên từng giấy nhận nợ) kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[IV] Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo của Ngân hàng Quân Đội:

***Tài sản thế chấp:** Là toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nay là số 28 ngách 38/23 Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số: 14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc, theo Hợp đồng thế chấp số 12091854 ngày 16/12/2009, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 16/12/2009 tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội.

- Tại khoản 2 khoản 3 điều 1 của Hợp đồng thế chấp số: 12091854 ngày 16/12/2009 quy định về nghĩa vụ được bảo đảm :“..... Tài sản thế chấp được đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay , bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác của bên vay vốn (Công ty Cp công nghệ NCS) (bao gồm cả nợ gốc , lãi trong hạn, lãi quá hạn và các khoản chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có)

“ Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 8.104.500.000 đồng; việc xác định giá được ghi trong biên bản xác định giá tài sản thế chấp ngày 14/12/2009; với giá trị được xác định tại thời điểm hiện tại; giá trị tài sản sẽ được xác định lại trong biên bản định giá lại tài sản kèm phụ lục hợp đồng; Biên bản định giá tài sản và biên bản định giá lại tài sản là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng này”

- Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 07120834/PLHĐ ngày 20/7/2012 sửa đổi khoản 3,4 điều 1 Hợp đồng thế chấp số: 12091854 ngày 16/12/2009 quy định:

“ Các bên thống nhất định giá tổng giá trị tài sản thế chấp là: 11.102.000.000 đồng theo biên bản định giá lại tài sản bảo đảm ngày 17/7/2012”.

- Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014 sửa đổi bên nhận thế chấp và bên vay vốn; sửa đổi khoản 3,4 điều 1 của Hợp đồng thế chấp số: 12091854 ngày 16/12/2009 về nghĩa vụ được bảo đảm:

“ Các bên thống nhất định giá tổng giá trị tài sản thế chấp là: 9.615.000.000 đồng. Với giá trị tài sản này bên nhận thế chấp đồng ý dùng để đảm bảo cho mọi nghĩa vụ của bên vay vốn 1(Công ty cổ phần công nghệ NCS) và vay vốn 2(Công ty cổ phần truyền thông NCS) tại bên nhận thế chấp”;

- Phụ lục Hợp đồng thế chấp số 1405/2014/PLHĐ ngày 30/9/2014, được đăng ký thay đổi nội dung thế chấp ngày 03/10/2014 tại văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội.

-Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định xem xét thẩm định tại chỗ và thông báo cho các bên đương sự có mặt để chứng kiến việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với nhà đất trên vào hồi 09 giờ ngày 11/12/2019, tuy nhiên những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc không có mặt tại nhà nên Tòa án đã hoãn buổi

xem xét thẩm định tại chỗ và tổng đạt niêm yết ngày xem xét thẩm định tại chỗ tiếp theo vào hồi 09 giờ ngày 15/01/2020.

- Ngày 15/01/2020, Tòa án nhân dân quận Ba Đình đã tiến quan sát thực tế và trên cơ sở Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909 do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc, nhà đất trên có hiện trạng như sau:

Theo giấy chứng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất thì nhà đất trên thuộc thửa đất số 79 tờ bản đồ số 3; diện tích sử dụng: 158,5 m²; trên đất có 01 nhà kết cấu bê tông cốt thép 2 tầng diện tích: 50 m². Qua quan sát thực tế từ bên ngoài: Nhà kết cấu 2 tầng, có hàng rào bên ngoài là bê tông trên có rào sắt, cổng ra vào bằng sắt, 2 cánh cấp 4 (1 tầng, 1 tum) gồm có sân dùng làm chỗ chứa hàng buôn bán sắt vụn, mái lợp tôn; Theo cảnh sát khu vực cung cấp thì hiện tại nhà đất trên gồm có 04 nhân khẩu đang ăn ở sinh sống là: ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc, chị Chị Đào Thanh Yến; Anh Đào Khải Nguyên.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp số: 12091854 ngày 16/12/2009 và các phụ lục Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng Quân Đội và ông Đào Xuân Ánh, bà Nguyễn Thị Thu Cúc được các bên ký kết tự nguyện, không do ai ép buộc. Hợp đồng thế chấp và các phụ lục Hợp đồng được công chứng, chứng thực và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Hà Nội là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, trường hợp Công ty Cổ phần NCS và Công ty Truyền thông NCS không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ bảo đảm của mình thì Ngân hàng Quân Đội có quyền đề nghị cơ quan thi hành án phát mại tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Ngân hàng Quân Đội đã xuất trình bản tính lãi đối với khoản tiền nợ gốc và các khoản tiền lãi mà ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc phải bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp số: 12091854 ngày 16/12/2009 và các phụ lục Hợp đồng đối với các khoản vay của bị đơn Công ty công nghệ NCS tạm tính đến ngày 16/7/2020 là: **16.979.252.676 đồng (trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng; Nợ lãi trong hạn : 149.473.562 đồng; Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng và của bị đơn: Công ty Truyền thông NCS, tạm tính đến ngày 16/7/2020 là: 3.435.164.566 đồng, trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng; Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng; Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng.** Hội đồng xét xử đã kiểm tra và thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[V]. Các tài sản đảm bảo khác như các quyền đòi nợ và chiếc xe Ô tô Ford Everest BKS 30L-9578 thuộc sở hữu của Công ty Công nghệ NCS thì Ngân hàng Quân Đội không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[VI]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[VII]. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Áp dụng luật án phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Điều 26 khoản 2 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do nguyên đơn Ngân hàng TMCP Quân Đội được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 101.000.000 đồng (Một trăm linh một triệu đồng) theo biên lai số 0008426 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Bị đơn: 1/ Công ty Cổ phần Công nghệ NCS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 16.979.252.676 đồng = 112.000.000 đồng +0,1% (12.979.252.676 đồng)= 124.979.253 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm bảy chín nghìn hai trăm lăm mươi ba đồng*)

2/ Công ty Cổ phần truyền thông NCS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 3.435.164.566 đồng = 72.000.000 đồng +2% (1.435.164.566 đồng)= 100.703.291 đồng (*Một trăm triệu bảy trăm linh ba nghìn hai trăm chín mốt đồng*)

[12]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 30, khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

Căn cứ Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ Điều 299; Điều 318; Điều 320; Điều 321; Điều 322; Điều 323; Điều 465; Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quân Đội đối với Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần truyền thông NCS.

2. Công ty Cổ phần Công nghệ NCS phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng 387.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014; Hợp đồng tín dụng số 362.14.056.35722.TD ngày 07/10/2014 và Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 28.15.056.35722; Hợp đồng tín dụng số 509.14.056.35722.TD ngày 18/12/2014 Phụ lục Hợp đồng cấp tín dụng số 26.15.056.35722; Hợp đồng tín dụng số 522.14.056.35722.TD ngày 26/12/2014; Hợp đồng tín dụng số 525.14.056.35722.TD ngày 30/12/2014; Hợp đồng tín dụng số 34.15.056.35722.TD ngày 03/02/2015 và các khế ước nhận nợ đã ký, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm(ngày 16/7/2020) là: **16.979.252.676 đồng** (*Mười sáu tỷ, chín trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm năm hai nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng*) trong đó: Nợ gốc: 10.256.240.828 đồng (*Mười tỷ, hai trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn tám trăm hai tám đồng*) ; Nợ lãi trong hạn: 149.473.562 đồng (*Một trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm sáu hai đồng*); Nợ lãi quá hạn: 6.573.538.286 đồng (*Sáu tỷ năm trăm bảy mươi ba triệu năm trăm ba mươi tám nghìn hai trăm tám sáu đồng*).

3. Công ty Cổ phần Truyền thông NCS phải thanh toán trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng số: 387.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014; Hợp đồng tín dụng trung dài hạn số 388.14.056.547435.TD ngày 06/10/2014 và các khế ước nhận nợ đã ký, tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm(ngày 16/7/2020) là: **3.435.164.566 đồng** (*Ba tỷ bốn trăm ba mươi lăm triệu một trăm sáu mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi sáu đồng*) , trong đó: Nợ gốc: 1.956.307.957 đồng (*Một tỷ chín trăm năm mươi sáu triệu ba trăm linh bảy nghìn chín trăm năm bảy đồng*); Nợ lãi trong hạn: 386.406.068 đồng (*Ba trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm linh sáu nghìn không trăm sáu tám đồng*); Nợ lãi quá hạn: 1.092.450.541 đồng (*Một tỷ không trăm chín mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn năm trăm bốn một nghìn đồng*)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử, Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4.Trường hợp Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản đảm bảo sau đây để thu hồi nợ: Toàn bộ quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: Tổ 39 cụm 5, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội (nay là: Số 28 ngách 38/23 Xuân La, phường Xuân La, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội), theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10103130909; hồ sơ gốc số:

14760.2003, quyết định số: 5923.2003.QĐUB do Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cấp ngày 06/10/2003 cho ông Đào Xuân Ánh và bà Nguyễn Thị Thu Cúc.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ khoản nợ của Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS trong các hợp đồng tín dụng và các phụ lục Hợp đồng tín dụng nêu trên của , nếu dư, Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì Công ty Cổ phần Công nghệ NCS và Công ty Cổ phần Truyền thông NCS tiếp tục nhận nợ và trả cho Ngân hàng TMCP Quân Đội số tiền còn thiếu.

5. Về án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm

- Công ty Cổ phần Công nghệ NCS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 124.979.253 đồng (*Một trăm hai mươi bốn triệu chín trăm bảy chín nghìn hai trăm lăm mươi ba đồng*)

- Công ty Cổ phần truyền thông NCS phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 100.703.291 đồng (*Một trăm triệu bảy trăm linh ba nghìn hai trăm chín mốt đồng*)

- Ngân hàng TMCP Quân Đội không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 101.000.000 đồng (*Một trăm linh một triệu đồng*) theo biên lai số 0008426 ngày 01/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Ba Đình.

Trường hợp bản án, quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ba Đình;
- Chi cục THA DS quận Ba Đình;
- TAND TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang